

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26-4-2021

“V/v không công nhận vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Việt Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mỹ Hương

Ông Nguyễn Hoàng Kha

- *Thư ký phiên toà:* Ông Trần Đình Chương - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 137/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 303/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp 6, xã Tân Th, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Tấn E, sinh năm 1973

Địa chỉ: Ấp 6, xã Tân Th, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn chị Ngô Thị T trình bày:*

Chị T và anh E tự nguyện chung sống với nhau năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, từ đó vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2018 đến nay, vì vậy chị T yêu cầu ly hôn với anh E.

Thời gian chung sống với nhau, chị T với anh E có 03 con chung tên Phạm Thị P1 sinh ngày 23/8/1995, Phạm Hoàng Minh P2 sinh ngày 03/9/2001, Phạm Bá P3 sinh ngày 16/11/2005. Hiện Phạm Thị P1 và Phạm Hoàng Minh P2 đã trưởng thành, Phạm Bá P3 đang sống chung với chị T. Chị T đồng ý giao Phạm Bá P3 cho anh E nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có.

- *Bị đơn anh Phạm Tấn E trình bày:* Anh Phạm Tấn E xác định lời trình bày của chị T về hôn nhân, con chung, tài sản chung là đúng nên không bổ sung gì thêm, anh Tấn E đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T, đồng ý nuôi Phạm Bá P3 mà không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Ngô Thị T với anh Phạm Tấn E tự nguyện chung sống với nhau năm 1994, tuy anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định nhưng anh chị không đăng ký kết hôn là vi phạm các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy pháp luật không công nhận chị Ngô Thị T với anh Phạm Tấn E là vợ chồng.

[2] Chị Ngô Thị T với anh Phạm Tấn E có 03 người con chung tên Phạm Thị P1 sinh ngày 23/8/1995, Phạm Hoàng Minh P2 sinh ngày 03/9/2001, Phạm Bá P3 sinh ngày 16/11/2005. Hiện Phạm Thị P1 và Phạm Hoàng Minh P2 đã trưởng thành nên không xét trách nhiệm nuôi dưỡng. Đối với Phạm Bá P3 đang sống chung với chị T, chị T với anh E thỏa thuận thống nhất giao Phạm Bá P3 cho anh E nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của Phạm Bá P3, vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận.

Anh E không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi Phạm Bá P3 nên không xét. Chị T không trực tiếp nuôi Phạm Bá P3 nhưng được quyền thăm nom con không ai được cản trở.

[3] Tài sản chung, nợ chung: Chị T với anh E xác định không có nên không xem xét.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình chị T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 8, 9, 14, 53, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Hôn nhân: Không công nhận chị Ngô Thị T với anh Phạm Tấn E là vợ chồng.

Con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị T với anh E về việc giao Phạm Bá P3 sinh ngày 16/11/2005 cho anh Phạm Tấn E trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Ngô Thị T không cấp dưỡng nuôi Phạm Bá P3.

Chị T không trực tiếp nuôi Phạm Bá P3 nhưng được quyền thăm nom Phạm Bá P3 không ai được cản trở.

Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Ngô Thị T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 18/3/2021 chị T có nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0000805 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm chị Ngô Thị T, anh Phạm Tấn E có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS Tp C;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Việt Trung